TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KÔNG CHRO** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày: 08/8/2018
"V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KÔNG CHRO - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Văn Tiến.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Ngọc Thái.

2. Ông Nguyễn Ngọc Khánh.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Tình – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Quốc Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/8/2018, tại Hội trường xử án, Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2017/TLST–DS, ngày 08/12/2017, về việc: "***Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐST-DS, ngày 07/6/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ, thị trấn K, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai – có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T (tên thường gọi: Trần Thị Kim T), sinh năm 1972; Địa chỉ: Số nhà , đường N, tổ , thị trấn K, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày: Ngày 20/9/2015(Âm lịch) tức ngày 01/11/2015(Dương lịch) bà Trần Thị T có vay của bà số tiền là: 148.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng), khi vay bà Trần Thị T nói vay để dùng vào việc nộp thuế đăng ký quyền sử dụng đất. Thời gian vay là 30 ngày,lãi suất không ghi trong giấy vay nhưng thực tế hai bên thỏa thuận 1%/ tháng, nhưng từ khi vay cho tới nay bà Trần thị T vẫn chưa trả số tiền gốc và lãi nói trên mặc dù tôi (Nguyễn Thị Xuân T) đã đòi rất nhiều lần.

Nay bà Nguyễn Thị Xuân T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kông Chro xem xét giải quyết buộc bà Trần Thị T phải trả cho bà số tiền gốc 148.000.000(Một

trăm bốn tám triệu đồng) cùng tiền lãi kể từ ngày vay cho tới ngày 30/10/2017 là: 35.520.000đ (Ba mươi lăm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh cho tới ngày giải quyết xong vụ án.

Về phía bị đơn trong vụ án là bà Trần Thị T (tên thường gọi là Trần Thị Kim T):

Từ khi Toà án nhân dân huyện Kông Chro thụ lý giải quyết vụ án đã nhiều lần thông báo, triệu tập bà T đến Toà án để làm việc, hoà giải và xét xử nhưng bà T không đến Toà án làm việc. Tại phiên toà hôm nay bà T cũng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro đề nghị Hội đồng xét xử;

- Căn cứ vào các điều 471,474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T; buộc bà Trần Thị T phải trả cho bà T số tiền đã vay là 148.000.000đ (Một trăm bốn tám triệu đồng) và tiền lãi phát sinh.

- Buộc bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Xuân T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T trả cho bà số tiền vay là 148.000.000(Một trăm bốn tám triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Xét thấy đây là quan hệ tranh chấp dân sự về hợp đồng dân sự vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Trần Thị T vẫn vắng mặt không có lý do. Việc không chấp hành thông báo và yêu cầu triệu tập của Tòa án chứng tỏ bà T có thái độ không tôn trọng pháp luật, không những từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình mà còn gây cản trở cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bà T theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự đồng thời căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như xem xét ý kiến của nguyên đơn để quyết định về vụ án là hợp lý, bà Trần Thị T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vào ngày 20/9/2015 (Âm lịch) tức ngày 01/11/2015(Dương lịch) bà Trần Thị T có vay của bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền là: 148.000.000 đồng (Một trăm bốn tám triệu đồng) với lãi suất hai bên thỏa thuận

khi vay là 1%/tháng, thời gian vay là 30 ngày. Nhưng từ khi vay tiền đến nay bà Trần Thị T vẫn không trả cho bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận.

Xét giao dịch giữa bà Nguyễn Thị Xuân T và bà Trần Thị T được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, phù hợp với các quy định của pháp luật quy định tại các Điều 122, Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì trong trường hợp này cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp. Hợp đồng vay giữa các đương sự có ấn định thời gian trả gốc và lãi, là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn được quy định tại Điều 478 của Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật. Tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Đã quá thời hạn trả nợ kể từ ngày giao kết hợp đồng nhưng bà Trần Thị T không trả nợ theo thỏa thuận nên bà Nguyễn Thị Xuân T khởi kiện là có căn cứ

Đối với yêu cầu tính lãi suất, căn cứ vào các Điều 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005 trong trường hợp các bên có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm thanh toán. Bà Nguyễn Thị Xuân T yêu cầu tính lãi kể từ ngày 01/11/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/8/2018). Xét thấy khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Xuân T yêu cầu tính một mức lãi suất là 0,75% tháng. Tại thời điểm năm 2015 thì theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước lãi suất cơ bản là 9%/năm, tức là 0,75%/tháng. Như vậy yêu cầu tính lãi suất của bà Nguyễn Thị Xuân T là có cơ sở cần chấp nhận, cụ thể :

148.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 33 tháng 7 ngày = 36.989.000 đồng.

Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T buộc bà Trần Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền nợ gốc và lãi là 184.989.000 đồng (Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, cần buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 471,474, 476, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**** Xử:***

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T.

- Buộc bà Trần Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền gốc là 148.000.000 đồng và tiền lãi là 36.989.000 đồng.Tổng cộng là 184.989.000 đồng (Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- ***Về án phí*** :

+ Án phí dân sự sơ thẩm : Buộc bà Trần Thị T phải chịu 9.249.450 đồng (Chín triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi đồng) .

+ Bà Nguyễn Thị Xuân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 4.588.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000040, ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND tỉnh Gia Lai;*
- *VKSND huyện Kông Chro;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện Kông Chro;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lê Văn Tiến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Thái **Nguyễn Ngọc Khánh** **Lê Văn Tiến**